

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2018/KDTM-ST
Ngày: 19-6-2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thành Hiệp

Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Yến Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:***
Bà Trần Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2017/TLST-KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2018/QĐXXST-KDTM ngày 7 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng Công ty Công Nghiệp – In – Bao bì L– Trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Có ông **Nguyễn Ngọc Minh T.** Chức vụ: Phó Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật

Trụ sở: 159, Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

Ông Nguyễn Ngọc Minh T ủy quyền cho bà Lê Thị Thùy T theo giấy ủy quyền ngày 18/6/2018 (có mặt)

Địa chỉ: 304D, Chung cư 78 kinh Dương Vương, phường 13, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh

****Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại dịch vụ T***

Trụ sở: Số 478, Quốc Lộ 91, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Huệ T** – Tổng giám đốc (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 04/8/2016) (vắng mặt)

***Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:**

Ông **Nguyễn Thái S**, sinh năm: 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 25/33, Trần Hưng Đạo, khóm T, Phường M, Thành phố L, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 24/01/2017 trong quá trình xét xử và lời khai trước phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có bà Lê Thị Thùy T trình bày

Ngày 06/01/2016 Chi nhánh Tổng Công ty Công Nghiệp – In – Bao bì L – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là Tổng Công ty L) và Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T (gọi tắt là công ty T) có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa nguyên tắc số 82/2016C, theo thỏa thuận trong hợp đồng Tổng Công ty L bán cho Công ty T mặt hàng bao bì PAPE không in, có in. Số lượng thực hiện cụ thể theo từng đơn đặt hàng. Quy cách, chất lượng theo yêu cầu của công ty T ghi trong đơn hàng. Đơn giá thống nhất theo từng đơn hàng tại thời điểm. Đơn hàng là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng nguyên tắc. Khi ký hợp đồng nguyên tắc thì Công ty T có đơn đặt hàng số 471/09/2016 ngày 12/9/2015; 503/09/2016 ngày 22/9/2016; 569/10/2016 ngày 25/10/2016. Trong thời gian thực hiện hợp đồng Tổng công ty L xuất xác hóa đơn giá trị gia tăng số: 0007602 ngày 22/09/16; số 0007698 ngày 26/09/16; số 0007842 ngày 30/09/2016; số 0007854 ngày 30/09/2016; số 0008122 ngày 10/10/2016; số 008325 ngày 17/10/2016. Theo đó Tổng công ty L đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty T chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với Tổng công ty L. Cụ thể thời hạn thanh toán lần lượt cho các hóa đơn như sau :

- + Hóa đơn 0007602 trước ngày 22/10/2016
- + Hóa đơn 0007698 trước ngày 26/10/2016
- + Hóa đơn 0007842 trước ngày 30/10/2016
- + Hóa đơn 0007654 trước ngày 30/10/2016
- + Hóa đơn 0008122 trước ngày 09/11/2016
- + Hóa đơn 0008325 trước ngày 16/11/2016

Tổng số tiền phải thanh toán của 6 hóa đơn trên là 138.349.200đ (đính kèm Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/10/2016)

Ngoài ra do Công ty T không thanh toán các hóa đơn trên nên Tổng Công ty L đã thực hiện lưu kho, không giao hàng cho Công ty T số hàng đã sản xuất được trị giá 32.736.000 đồng (theo thẻ kho thành phẩm năm 2016 đính kèm). Số hàng này Tổng Công ty đã sản xuất theo đơn hàng số 569/10/2016 ngày 25/10/2016. Do Công ty T vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng nên Tổng công ty L yêu cầu tính lãi chậm trả theo hợp đồng của các hóa đơn với số tiền 4.452.367 đồng. Tại phiên tòa

hôm nay Tổng công ty L chỉ yêu cầu Công ty T trả số tiền lãi chậm trả là 4.452.367, không yêu cầu tính lãi phát sinh thêm cho đến ngày xét xử.

Nay Tổng Công ty Công Nghiệp – In – Bao bì L – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên yêu cầu Tòa án buộc công ty T thanh toán cho Tổng Công ty Công Nghiệp – In – Bao bì L – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên số tiền vốn theo hóa đơn +lãi tổng cộng là 175.537.567đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm sáu mươi bảy đồng) trong đó số tiền vốn theo hóa đơn là 171.085.200 đồng+ lãi 4.452.367 đồng

Đối với bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xác minh đối với Công ty T. Tại biên bản xác minh ngày 21/12/2017 được ông Hoàng Hữu T – Phó Giám đốc Công ty T cho biết công ty có 2 thành viên là bà Nguyễn Thị Huệ T và ông Nguyễn Thái S, bà Nguyễn Thị Huệ T là người đại diện theo pháp luật của công ty. Vào tháng 11 năm 2016 bà T và ông S đi công tác ở nước ngoài rồi không về công ty. Hiện Công ty T vẫn còn hoạt động để duy trì máy móc và đảm bảo việc làm cho người lao động, tài sản đã bị kê biên nên lợi nhuận thu được do ngân hàng thu giữ. Tòa án tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu của ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị Huệ T thì được biết ông S và bà Huệ T vẫn còn hộ khẩu tại Số 25/33, Trần Hưng Đạo, khóm T, Phường M, Thành phố L, An Giang. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty T theo quy định pháp luật

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sơn đã không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền mua bán còn thiếu lại +tiền lưu kho +tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tổng Công ty Công Nghiệp – In – Bao bì L – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên có đơn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

nơi có trụ sở của bị đơn Công ty T giải quyết. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Về nơi cư trú của bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T có trụ sở tại thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. Ngày 07/3/2018 Công an phường M, thành phố L, tỉnh An Giang xác nhận ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị Huệ T có đăng ký hộ khẩu tại phường M, thành phố L tỉnh An Giang nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương, khi đi không trình báo cho chính quyền địa phương biết nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án xác định nơi cư trú cuối cùng của ông S và bà T và tiến hành niêm yết các thông báo, quyết định tố tụng cho bị đơn tại địa chỉ các đương sự đã cung cấp là số 478 Quốc lộ 91, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang và cho ông S, bà T tại số nhà 25/33, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang và đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T do bà Nguyễn Thị Huệ T đại diện theo pháp luật và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thái S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào hợp đồng nguyên tắc số: 82/2016C ngày 6/1/2016 thì Chi nhánh Tổng Công ty Công Nghiệp – In – Bao bì L – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên đã thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa theo đó Tổng Công ty L có nhận gia công nhiều loại bao bì cho công ty T. Trong quá trình thực hiện giao dịch mua bán, Công ty T còn nợ Tổng Công ty Công Nghiệp – In – Bao bì L – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên số tiền của 6 hóa đơn là 138.349.200 đ (Một trăm ba mươi tám triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn hai trăm đồng). Tại biên bản xác minh đối với Công ty T ngày 21/12/2017 được ông Hoàng Hữu T – Phó Giám đốc Công ty T cũng thống nhất số tiền Công ty T hiện còn đang nợ Tổng Công ty Công Nghiệp – In – Bao bì L – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên đúng theo bảng đối chiếu công nợ ngày 31/10/2016.

Đối với số tiền lưu kho do Công ty T không thanh toán các hóa đơn trên nên Tổng công ty L đã thực hiện lưu kho số hàng đã sản xuất được, chi phí lưu kho trị giá 32.736.000 đồng (theo thẻ kho thành phẩm năm 2016 đính kèm). Số hàng này Tổng công ty đã sản xuất theo đơn hàng số 569/10/2016 ngày 25/10/2016. Căn cứ vào Điều 5 của Hợp đồng nguyên tắc số 82/2016C ngày 6/1/2016 có quy định “ Bên nào vi phạm hợp đồng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên kia và phải có trách nhiệm trước pháp luật”. Căn cứ vào hợp đồng thì Tổng Công ty L đã thực hiện đúng theo hợp đồng là sản xuất theo đơn đặt hàng của Công ty Thuận An tuy nhiên Công ty T không nhận hàng, Tổng công ty L phải tốn chi phí lưu kho, gây

thiệt hại cho bên Tổng Công ty L Do đó Tổng Công ty L yêu cầu Công ty T trả chi phí lưu với số tiền 32.736.000 đồng là phù hợp nghĩ nên chấp nhận.

Xét về nội dung tranh chấp trên Hội đồng xét xử nhận thấy: Tổng Công ty L đã thực hiện xong phần nghĩa vụ của mình là giao hàng hóa với mặt hàng, số lượng, chất lượng, qui cách đúng theo thỏa thuận tại hợp đồng và theo yêu cầu từng lần đặt hàng của công ty T, tuy nhiên phía Công ty T không thực hiện thanh toán tiền theo thỏa thuận. Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và thời hạn thanh toán theo Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại. Việc vi phạm này đã ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty L. Do đó, Tổng Công ty L quyền yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ theo các hòa đơn và tiền chi phí lưu kho là 171.085.200 đồng là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về phần lãi suất chậm trả: Tại Điều 3 của Hợp đồng nguyên tắc giữa Tổng Công ty L với Công ty T “ Trường hợp bên B thanh toán chậm so với quy định của hợp đồng thì bên B phải chịu lãi phạt chậm thanh toán theo mức lãi phạt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định”.Do Công ty T vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng nên Tổng công ty L yêu cầu tính lãi chậm trả theo hợp đồng của các hóa đơn với số tiền 4.452.367 đồng. Tại phiên tòa hôm nay đại diện Tổng Công ty L không yêu cầu tính lãi phát sinh thêm cho đến ngày xét xử. Đây là sự tự nguyện của Tổng công ty L và có lợi cho phía bị đơn nghĩ nên chấp nhận.

Như vậy, Công ty T có nghĩa vụ thanh toán cho Tổng Công ty Công Nghiệp – In – Bao bì L – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên số tiền vốn theo hóa đơn, lãi suất tổng cộng là 175.537.567đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm sáu mươi bảy đồng)

[3] *Về án phí sơ thẩm:* Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Công Nghiệp – In – Bao bì L – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều: 30, 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005, Khoản 1 Điều 24, Điều 50, Điều 55, Luật Thương mại năm 2005; Khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Công Nghiệp – In – Bao bì L – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T có nghĩa vụ thanh toán cho Tổng Công ty Công Nghiệp – In – Bao bì L – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên số tiền 175.537.567đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó số tiền vốn theo hóa đơn là 138.349.200 đồng+ chi phí lưu kho trị giá 32.736.000 đồng+ số tiền lãi 4.452.367 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T phải chịu 8.776.000đ (Tám triệu bảy trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

Hoàn trả cho Tổng Công ty Công Nghiệp – In – Bao bì L – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhận số tiền 4.388.000 đ (Bốn triệu ba trăm tám mươi tám ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000461 ngày 23/2/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

Về kháng cáo: Tổng Công ty Công Nghiệp – In – Bao bì L – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/6/2018). Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T và ông Nguyễn Thái S vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mỹ Dung

